

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CTCP

Số 189 đường Lâm Tiên-thị trấn Đông Anh-huyện Đông Anh-TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24.38833779; Fax: (+84) 24.38833113; Website: www.eemc.com.vn



TÀI LIỆU (BỔ SUNG)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Hà nội, tháng 4/2021

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

1. Báo cáo của Tổng giám đốc.
2. Báo cáo của HĐQT.
3. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.
4. Tờ trình các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021
5. Phụ lục 01: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.
6. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
7. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.
8. Sơ yếu lý lịch ứng viên TV BKS.

(Thay thế tài liệu đã công bố)

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
(TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021)

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

I. Đánh giá đặc điểm tình hình SXKD năm 2020:

1. Thuận lợi:

- Phần lớn các sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty có ưu thế về tiến độ so với các nhà sản xuất khác.
- Năm 2020 do được sự ưu đãi về giá mua điện của Chính phủ đối với các dự án điện mặt trời, các Nhà đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án, đóng điện trước 31/12/2020 nên Tổng Công ty cũng có thêm cơ hội cung cấp sản phẩm.
- Thương hiệu của EEMC có chỗ đứng trên thị trường, được nhiều khách hàng tin dùng.

2. Khó khăn:

- Năm 2020, dịch Covid 19 bùng phát ở Việt Nam và trên thế giới nên hoạt động đầu tư nước suy giảm, giao thông quốc tế bị hạn chế, việc lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn.
- Giá một số vật tư chính tăng cao và khan hiếm từ quý III làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất của Tổng Công ty.
- Sản phẩm MBA truyền tải, máy biến áp phân phối và cả mảng dịch vụ sửa chữa tiếp tục phải cạnh tranh rất lớn với các Nhà sản xuất trong và ngoài nước;

II. Kết quả thực hiện SXKD năm 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020			Tỷ lệ % so với TH 2019
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %	
1	Các chỉ tiêu SXKD				
	- Doanh thu thuần	2.300.000	2.422.136	105,31%	101,96%
	- Lợi nhuận trước thuế	150.000	160.891	107,26%	105,30%
	- Chi trả cổ tức bằng tiền dự kiến (%)	15%	15%	100%	
2	Đầu tư XDCB	84.165	27.452	32,62%	114,6%

2. Một số đánh giá về các mặt hoạt động:

2.1. Công tác kinh doanh

- Năm 2020 đã phát huy được thế mạnh thương hiệu EEMC, Tổng công ty đã có những giải pháp kinh doanh kịp thời, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là cung cấp MBA cho thị trường năng lượng tái tạo; Năm 2020 là năm nền kinh tế có nhiều khó khăn do đại dịch Covid - 19 nhưng EEMC đã có một năm thành công khi hoàn thành vượt kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận.

- Trong năm 2020 đã xây dựng kế hoạch thu hàng tháng và bám sát thu tiền theo kế hoạch, đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh.

2.2. Công tác thiết kế, công nghệ và sản xuất

- Đã đưa vào lắp đặt và đóng điện thành công máy biến áp 467MVA 500kV dự phòng nhà máy Thủy điện Sơn La. Hoàn thành việc sửa chữa và đưa vào đóng điện vận hành pha A MBA AT2 Trạm biến áp 500kV Hòa Bình, được khách hàng và các đơn vị liên quan đánh giá cao về chất lượng. Đây là dấu mốc quan trọng về sự trưởng thành vượt bậc trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt của đội ngũ kỹ sư, công nhân lao động trẻ trong Tổng công ty;

- Triển khai các thiết kế mới để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tổng công ty đã dành nguồn lực đầu tư một số thiết bị công nghệ quan trọng để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, công tác cung ứng vật tư chưa được kịp thời nhưng các đơn vị đã chủ động liên hệ tìm nguồn và chủ động trong bố trí nhân lực, sử dụng tối ưu các thiết bị công nghệ, các nguồn lực sẵn có để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các đơn hàng cung cấp MBA 110kV và 220kV cho các dự án trọng điểm.

- Nâng cao tính đồng bộ trong sản xuất, tăng cường công tác quyết toán vật tư, giảm vật tư dự trữ góp phần giảm chi phí vốn.

- Công tác an toàn vệ sinh viên, phòng chống cháy nổ, quản lý mặt bằng sản xuất được thực hiện tốt.

2.3. Công tác tài chính kế toán

- Tổng Công ty đã đưa vào sử dụng hóa đơn điện tử, cập nhật phân hệ của phần mềm Bravo giúp quản lý chặt chẽ và tránh sai sót trong ghi nhận doanh thu.

- Các chi phí được tập hợp đúng kỳ giúp công tác kiểm soát chi phí được kịp thời, chính xác. Các báo cáo tài chính đều được lập với chất lượng đảm bảo trong thời gian ngắn.

- Thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất hợp lý, làm giảm chi phí tài chính cho Tổng Công ty.

2.4. Công tác tổ chức, quản trị Tổng Công ty

- Đã ban hành và đưa vào áp dụng Quy chế trả lương và thu nhập mới từ ngày 01/10/2020 mang lại hiệu ứng tích cực.

- Tổng công ty đã thực hiện sáp nhập 04 đơn vị thành 02 đơn vị để hoạt động hiệu quả hơn và luân chuyển bổ nhiệm một số cán bộ quản lý để đào tạo nguồn cán bộ cho TCT, đồng thời giúp cho quá trình tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả hơn, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, có tháng phải nghỉ giãn cách nhưng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đảm bảo thu nhập cho người lao động không thấp hơn năm 2019.

- Tổng số lao động trong toàn Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 là 748 người; Thu nhập bình quân toàn Tổng Công ty 16 triệu/người/tháng tăng so với năm trước. Thu nhập của Tổng giám đốc và người quản lý khác năm 2020 là 1.534 triệu đồng/năm.

- Các chế độ chính sách của người lao động theo quy định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ;

2.5. Công tác đầu tư

- Công tác đầu tư xây dựng: toàn Tổng công ty thực hiện đầu tư với giá trị là 27.453 triệu đồng đạt 32,62% kế hoạch (Kế hoạch 84.165 triệu đồng).

- Tình hình đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phiếu của doanh nghiệp khác: năm 2020 Tổng Công ty không đầu tư góp vốn, góp vốn bổ sung, mua cổ phiếu của doanh nghiệp khác. Tình hình đầu tư của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

TT	Nội dung	Vốn đầu tư (đ)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc (NPS)	2.500.000.000	Công ty mẹ đầu tư từ năm 2007. Vẫn bảo tồn được vốn.
2	Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam (VPD)	611.010.000	Công ty mẹ đầu tư. Cổ tức 2019 là 5%
3	Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa	90.000.000	Công ty con đầu tư (Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện)

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. Nhận định bối cảnh, tình hình năm 2021

1. Thuận lợi

- Việc đưa vào đóng điện vận hành thành công máy biến áp 467MVA-500kV tại Nhà máy thủy điện Sơn La đã có ảnh hưởng rất tích cực đến thương hiệu và uy tín của EEMC.
- Các dự án điện gió tiếp tục được triển khai đến 31/10/2021 là cơ hội để EEMC cung cấp máy biến áp

2. Khó khăn

- Năm 2021 là năm nhiều khó khăn thách thức hơn các năm trước, tình hình dịch Covid 19 trong và ngoài nước vẫn diễn biến phức tạp.
- Giá nguyên vật liệu tăng cao hơn năm 2020, thời gian cung cấp bị kéo dài do dịch bệnh; thị phần điện mặt trời giảm mạnh.
- Thủ tục phê duyệt đầu tư được cải thiện chưa nhiều; khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn trong cả mảng máy biến áp truyền tải 110 và 220 kV.

II. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu hoạt động SXKD năm 2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	2.430.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	161.000
3	Cổ tức	%/năm	15

III. Giải pháp thực hiện để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2021

1. Giải pháp Sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường tiếp thị, xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt để mở rộng thị trường; tuyên truyền để khách hàng nhận diện hàng giả, hàng nhái thương hiệu EEMC.
- Tiếp tục cải tiến thiết kế để giảm tiêu hao vật tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, triển khai sản xuất MBA phân phối theo thiết kế mới để tạo sức cạnh tranh.
- Chủ động xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư khoa học, phù hợp với kế hoạch sản xuất để vừa đảm bảo vật tư cho sản xuất vừa tối ưu lượng hàng tồn kho. Đưa công tác quyết toán vật tư vào nề nếp. Sử dụng tiết kiệm vật tư, năng lượng.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ, đặc biệt là các thiết bị mới đầu tư. Tiếp tục dành nguồn lực để đầu tư một số thiết bị công nghệ thiết yếu.

- Tập trung nguồn lực, phát huy các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, đẩy nhanh các dự án đang triển khai nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định;

2. Giải pháp tài chính

- Xây dựng kế hoạch tài chính, chi phí, huy động vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

- Tích cực thu hồi công nợ, có chính sách phù hợp để thu hồi nợ nhanh;

3. Giải pháp quản trị và nhân sự

- Tăng cường tuyên truyền để người lao động thực hiện tốt kỷ luật lao động. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp với luật pháp và điều kiện thực tế của EEMC; từng bước áp dụng các quy chế quản trị, các công cụ quản lý mới để nâng cao năng suất, chất lượng, tối ưu hóa các chi phí.

- Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Tổng công ty: đánh giá năng lực người lao động để xem xét đào tạo, sắp xếp lao động để nâng cao năng suất lao động, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhân sự Tổng công ty.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức một số đơn vị trong Tổng công ty để phát huy hết các thế mạnh của từng cá nhân trong quản lý điều hành sản xuất. Nâng cao năng lực quản lý của lãnh đạo các đơn vị, đồng thời có đánh giá lao động để sử dụng hiệu quả nguồn lực tại các đơn vị.

- Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo trẻ có năng lực đáp ứng nhu cầu kế thừa và phát triển Tổng Công ty ổn định, bền vững.

KẾT LUẬN

Với tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo, sẵn sàng vượt qua khó khăn của toàn thể CBCNV, Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh quyết tâm hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch năm 2021, từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của EEMC, vì sự phát triển bền vững, vì đời sống người lao động và quyền lợi của các cổ đông.

Trân trọng!


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vũ Cường

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
(TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021)

I- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2020:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2020:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP đạt 2,91%, thấp nhất của các năm giai đoạn 2011-2020.

Do ảnh hưởng của dịch Covid -19, đầu tư trong nước suy giảm, trong khi đó các sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty tiếp tục phải cạnh tranh rất lớn với các Nhà sản xuất trong và ngoài nước. Nhưng bằng sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên lao động, EEMC đã khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Doanh thu đạt 105,31% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 107,26% kế hoạch. Người lao động trong Tổng Công ty có việc làm ổn định, đời sống được nâng cao.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Tình hình nhân sự: Hội đồng quản trị Tổng công ty có 05 thành viên (Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị do có 02 thành viên hết nhiệm kỳ), gồm các ông bà có tên sau:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	- Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Vũ Cường	- TVHĐQT, TGĐ	
Ông Lê Văn Diễm	- TVHĐQT, PTGD,	
Ông Nguyễn Đức Công	- Thành viên HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Giang	- Thành viên HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Khắc Cường	- Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/4/2020
Ông Nguyễn Việt Anh	- Thành viên HĐQT	Từ ngày 20/4/2020

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trong đó có 03 thành viên không điều hành.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty:

+ Trong năm 2020 các thành viên Hội đồng quản trị luôn phát huy thế mạnh của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

+ Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tiến hành 07 phiên họp, ban hành các Nghị quyết và Quyết định đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Tổng Công ty. Nội dung các Nghị Quyết, Quyết định đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp.

- Tổng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị năm 2020 là : 764 triệu đồng.

3. Triển khai và giám sát việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty luôn chủ động triển khai các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty. Tổ chức chỉ đạo chú trọng đến công tác tổ chức sản xuất, tiết kiệm chi phí sử dụng vật tư, nguyên vật liệu tồn kho, chế độ báo cáo tài chính, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng Công ty. Kịp thời xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty: tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2020, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật và tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

+ Hội đồng Quản trị EEMC đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của Ban Tổng giám đốc cũng như của cán bộ quản lý các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của EEMC năm 2020. Chỉ tiêu Doanh thu thuần và Lợi nhuận tăng trưởng và vượt kế hoạch trong điều kiện khó khăn bủa vây phần lớn do Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò và trách nhiệm của mình được thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với

chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông; công tác quản trị sản xuất hiệu quả hơn, sản xuất giữa các công đoạn nhanh hơn, tính đồng bộ cao hơn, vật tư đưa ra tác nghiệp sản xuất cũng hiệu quả hơn; công tác bán hàng thu nợ tốt hơn...

+ Với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt, đầy đủ kịp thời trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc sẽ góp phần gia tăng sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh của EEMC.

4. Công tác sắp xếp, cơ cấu tổ chức, nhân sự:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định sắp xếp lại tổ chức, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý. Nhìn chung, các cán bộ được bổ nhiệm, luân chuyển đã phát huy tốt năng lực kinh nghiệm và tham gia điều hành SXKD hiệu quả.

5. Công tác quản lý cổ đông:

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

6. Kết luận:

Mặc dù Tổng Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao và chỉ đạo để Tổng Công ty hoạt động hiệu quả, tiếp tục phát triển, khẳng định uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm trên thị trường và mở rộng thị trường mới. Để đạt được kết quả này, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã rất chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành cụ thể như sau:

- Trong năm 2020 đã kiên trì bám sát mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra; những biện pháp chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, có hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường.

- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện công tác quản lý các dự án đầu tư, đưa vào khai thác phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo tập trung vào công tác bán hàng, thu hồi công nợ, sử dụng vốn có hiệu quả và công tác quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Ban Điều hành đã thực hiện tốt, và đúng trình tự quy định về các mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, sắp xếp tổ chức nhân sự, tăng cường quản lý tài chính, đầu tư phát triển... đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty, người lao động và của các cổ đông.

II- Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

Năm 2021, được đánh giá sẽ khó khăn hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty do tình hình kinh tế chung bị tác động bởi dịch bệnh

COVID19, khó khăn do dư thừa nguồn điện ở một số thời điểm, chậm tiến độ đầu tư dự án mới trong ngành điện, áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng công ty. Giá vật tư tăng cao, thời gian cung cấp dài do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2021, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty vẫn tiếp tục thực hiện một số giải pháp đã đề ra trong năm trước để hoàn thành mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh; vừa hoạt động hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, phát triển thương hiệu, nâng cao uy tín EEMC trên thị trường". Chi tiết như sau:

1. Sắt sao chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng cách tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị doanh nghiệp; Tiếp tục hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ, đồng thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành.

3. Đầu tư, trang bị máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng, sản phẩm mới.

4. Tiếp tục luân chuyển, sắp xếp, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, người lao động có năng lực chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật, đoàn kết và phát huy được kinh nghiệm của bản thân cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

Để đạt được mục tiêu, kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và hợp tác của các Cổ đông.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tiếu

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty
thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;
 - Căn cứ kết quả SXKD năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận được phân phối	218.504	
II	Phân phối lợi nhuận	63.175	
1	Cổ tức bằng tiền 15%	48.628	
2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	14.182	
3	Quỹ thưởng người quản lý công ty (thưởng ban điều hành)	365	
III	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	155.329	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. *Anh*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tiêu

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty
thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	2.430.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	161.000
3	Chi trả cổ tức	%/năm	15
4	Quỹ thưởng người quản lý công ty (thưởng ban điều hành)	Triệu đồng	1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch; 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi		Tối đa 10% lợi nhuận sau thuế năm 2021
6	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	74.700
7	Tiền lương, thù lao cho người quản lý	Triệu đồng	2.736

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. *AM*

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Tiểu

Phụ lục 01: Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh

(Kèm theo Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

- Các nội dung chỉ thay đổi Số thứ tự do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt một số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này;

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Định nghĩa 1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này; b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; c. “Ngày thành lập” là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; d. “Người điều hành Tổng Công ty” là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn đ. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp; e. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này; f. “Việt Nam” là Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Điều 1. Định nghĩa 1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; f. "Ngày thành lập" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty; k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết; l. "Tổng công ty" là Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;	Cập nhật dẫn chiếu theo Luật hiện hành.
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	
4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty. Tổng Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc điều hành theo Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty.	Bỏ	Tách thành Điều 3 theo Điều lệ mẫu tại TT 116/2020/TT-BTC
5. Tư cách pháp nhân: Tổng Công ty là một tổ chức kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ theo luật định, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng, tự chủ về tài chính, hạch toán kinh tế độc lập và tập trung toàn Tổng Công ty. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, có quyền tự mình tham gia các quan hệ pháp luật.	Bỏ	Cập nhật theo Luật hiện hành
6. Các đơn vị trực thuộc: 6.1 Các đơn vị sản xuất tại Đông Anh (số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội). 6.2 Công ty TNHH một thành viên Thiết kế và chế tạo Thiết bị điện – EEMC (tổ 3, đường Trung Văn, quận nam Từ Liêm, TP. Hà Nội; Địa điểm kinh doanh: Tổ 14, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội); 6.3 Công ty TNHH một thành viên Thiết bị lưới điện - EEMC (số 2/39, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội). 6.4 Chi nhánh EEMC - Nhà máy chế tạo Bồi dây (số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội). 6.5 Chi nhánh EEMC - Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật điện (số 186, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội). 6.6 Trường Mầm non Thiết bị điện (tổ 15, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội). 6.7 Các Công ty TNHH một thành viên tại mục 6.2 và mục 6.3 được hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng, chịu sự giám sát của EEMC. Các Chi nhánh tại mục 6.4; 6.5 và Trường Mầm non Thiết bị điện hạch toán tập trung tại EEMC. Các đơn vị sản xuất khối Cơ quan Tổng Công ty do EEMC trực tiếp quản lý.	Bỏ	Luật hiện hành không bắt buộc, cập nhật lại
8. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.2 và Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	8. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; - Trường hợp chưa có Tổng giám đốc thì Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. - Trường hợp chưa có Tổng giám đốc và Chủ tịch HĐQT thì người được giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	Chuyển từ khoản 4 Điều 2; Và bổ sung trường hợp khi chưa có Tổng giám đốc.
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty	Sửa thành Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Sửa thành Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia	
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
2. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, <u>cổ phần chiến lược</u> . Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11.	2. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này;	Cập nhật lại theo Luật
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	Cập nhật lại theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Cập nhật lại theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở	Sửa theo khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể bao gồm các nội dung sau: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần; c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;	ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC. Bổ sung theo Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Tổng công ty có thể phát hành các loại Chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.	Cập nhật theo Luật hiện hành
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng, hưởng cổ tức, quyền hưởng cổ phiếu phát hành. Riêng cổ phần ưu đãi trả chậm của số lao động nghèo vẫn được hưởng cổ tức và chỉ được chuyển nhượng kể từ khi thanh toán hết số tiền cổ phần ưu đãi trả chậm.	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Cập nhật theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Chưa có	3. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch bên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
Chưa có	4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty có thể phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.	ngành 2020
	5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng công ty.	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
	6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
	7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty.	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
	8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều này chỉ trở thành cổ đông của Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Quy định này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Tổng công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.	Cập nhật theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 10. Thu hồi cổ phần	Điều 10. Thu hồi cổ phần	
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 2 Điều này không được thực hiện.	Sửa lại theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa lại theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa lại theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát c. Tổng giám đốc điều hành;	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát c. Tổng giám đốc;	Thống nhất chức danh “Tổng giám đốc”
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Điều 11. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (theo Quy chế của Tổng Công ty ban hành); b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Tổng Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Tổng công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty; e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty; h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp. m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	Sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC c) Sửa theo khoản 1.d Điều 115 Luật DN2020. e) Sửa theo khoản 1.đ Điều 115 Luật DN2020
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> (mười) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
a. Đề cử các Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 35.2; b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật DN2020; Bỏ quy định về sở hữu cổ phần trong 06 tháng liên tục và sửa theo quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều 115 Luật DN2020, Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC. Bỏ quy định đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đối với cổ đông sở hữu từ 5% Bổ sung thêm thẩm quyền kiến nghị nội dung vào chương trình họp.
4. Không có	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng	Sửa lại theo Khoản 5 Điều 115 Luật DN2020 và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;	2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Bổ sung theo Bổ sung theo Khoản 2 Điều 119 Luật DN2020 và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
6.Chưa có	6. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119 Luật DN2020
Chưa có	7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.	
8. chưa có	8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.	Bổ sung theo Điều lệ nẫu ban hành kèm theo Thông ty 116/2020/TT-BTC
9. Chưa có	9. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 119 Luật DN2020
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông là Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Tổng Công ty căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty xét thấy cần gia hạn thời gian họp, phải có văn bản báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và được	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa	Sửa theo Khoản 2 Điều 139 Luật DN2020 và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
công bố thông tin theo Luật Doanh nghiệp.	điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam	
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC - Sử dụng thống nhất thuật ngữ "tổ chức kiểm toán được chấp thuận" theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật Chứng khoán.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
c. Khi số Thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số Thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số Thành viên quy định trong Điều lệ;	c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ này.	c. Sửa theo Khoản 2 Điều 140, điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật DN2020
e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Cập nhật Luật hiện hành
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13;	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật</u> . Trường hợp <u>số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ này</u> , Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3</u> ;	Cập nhật, bổ sung theo Luật hiện hành
b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	
c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp	c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
nếu xét thấy cần thiết; d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh và điều hành quản lý năm vừa qua; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	Sửa và cập nhật căn cứ Điều 138 Luật DN2020 và Khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 139 Luật DN2020 và

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa		Lý do sửa đổi
a	Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;	b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;		Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu - Bổ sung một số điểm dẫn chiếu theo luật và Điều lệ mẫu u) Theo điểm a Khoản 1 Điều 130 Luật DN2020
b	Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;		
c	Số lượng Thành viên của Hội đồng quản trị;	d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;		
d	Lựa chọn Công ty kiểm toán;	e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;		
e	Bầu, bãi miễn và thay thế Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;	f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;		
f	Tổng số tiền thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;	g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;		
g	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;	h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;		
h	Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của một số thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập đã được qui định tại Điều 8.1 của Điều lệ này.	i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;		
i	Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;	k. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;		
j	Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;	l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;		
k	Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;	m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;		
		n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;		
		o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;		

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa		Lý do sửa đổi
l	Quyết định giao dịch/đầu tư, bán tài sản Tổng Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% (ba mươi lăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các Chi nhánh, Công ty TNHH của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.		p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;		
m	Tổng Công ty mua lại hơn 10% (mười) một loại cổ phần phát hành;		q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;		
n	Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;		r. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35%</u> tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;		
o	Tổng Công ty hoặc các Chi nhánh, Công ty TNHH của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định của Luật Doanh nghiệp với giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 20%</u> (hai mươi) tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các Chi nhánh, Công ty TNHH của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;		s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;		
p	Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng Công ty;		t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;		
			u. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;		
			v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.			Điều 16. Các đại diện được uỷ quyền 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức đại diện tham dự thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông Tổng công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo uỷ quyền. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Tổng công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo uỷ quyền thì phần vốn		Sửa theo Điều 14 Luật DN2020

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo uỷ quyền.	
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản và phải có chữ ký. Văn bản uỷ quyền phải được lập theo quy định sau:	Sửa theo Khoản 2 Điều 144 Luật DN2020 và khoản 4 Điều 14 Luật DN2020
a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	a. Văn bản uỷ quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông uỷ quyền; tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền à số lượng cổ phần được uỷ quyền; nội dung, phạm vi uỷ quyền; thời hạn uỷ quyền. Cá nhân, tổ chức được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì văn bản cử người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo uỷ quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo uỷ quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo uỷ quyền; - Thời hạn uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo uỷ quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo uỷ quyền; c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông và của người đại diện theo uỷ quyền;	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Không được uỷ quyền lại.	
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư <u>hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó</u> (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.	
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này <u>sẽ</u> không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên <u>48 (bốn mươi tám) giờ</u> trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Cập nhật theo điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 16. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	
1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm) quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật DN2020 và Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong <u>vòng 15 (mười lăm) ngày</u> trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội; c.	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	a) Sửa theo Khoản 1 Điều 141 Luật DN2020

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ động và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; i. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	h) Bổ sung nội dung quy định trong trường hợp Tổng công ty tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán khi Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử (Website) của Tổng Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi	Cập nhật theo Điều 143 Luật DN2020

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	kèm theo thông báo mời họp.	
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Sửa theo khoản 2 Điều 142 Luật DN2020
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% (mười) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này. c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua. d. [Các trường hợp khác].	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị được quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sửa theo khoản 2 Điều 115 Luật DN2020; Bổ sung thêm theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật DN2020
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bỏ	Được chuyển lên Khoản 3 Điều này
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bỏ	Chuyển về khoản 4 Điều 21 Điều lệ này - Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
Chưa có	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật DN2020
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại	Sửa theo khoản 1

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
51% (năm mươi một) cổ phần có quyền biểu quyết.	diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.	Điều 145 Luật DN2020
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba) cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội.	
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, Thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	
Chưa có	Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông là có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lễ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.	6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng	7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại <u>khoản 6 Điều này</u> , Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành	theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC; hiệu chỉnh “khoản 6 Điều 19” do STT của Điều đã thay đổi
Chưa có	13. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Chưa có	14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.		2. Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều này.	Sửa theo Khoản 2 Điều 148 Luật DN2020
3. Chưa có		4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.	Khoản 3 Điều 21 Điều lệ mẫu
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị tài liệu gồm phiếu lấy ý kiến, dự thảo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được gửi cho các cổ đông: Đối với cổ đông là người lao động trong Tổng Công ty, Tổng Công ty gửi tài liệu đến cổ đông/và đơn vị thành viên, đơn vị triển khai tới cổ đông là người lao động trong đơn vị; Đối với cổ đông ngoài Tổng Công ty, Tổng Công ty gửi tài liệu tới địa chỉ của họ trong sổ đăng ký cổ đông;		2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông. Việc gửi tài liệu giải trình cho các cổ đông có thể được thay thế bằng đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Đối với cổ đông là Người lao động trong Tổng công ty và đơn vị thành viên, Tổng công ty gửi Phiếu lấy ý kiến tới đơn vị/bộ phận/đơn vị thành viên, đơn vị/bộ phận/đơn vị thành viên triển khai tới cổ đông là người lao động trong đơn vị/bộ phận/đơn vị thành viên theo đường văn thư của đơn vị.	Sửa theo khoản 2 Điều 149 Luật DN2020
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:		3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a	Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Sửa theo khoản 3 Điều 149 Luật DN2020
b	Mục đích lấy ý kiến;		
c	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;		

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
d	Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;			
e	Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;			
f	Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;			
g	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;			
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông và được gửi về trụ sở chính của Tổng Công ty đúng thời hạn theo các hình thức sau:			4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:	
a	Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi thư về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;		a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc đối với cổ đông là tổ chức phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và có đóng dấu. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	Sửa theo Khoản 4 Điều 149 Luật DN2020 và Khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu
b	Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ;			
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:			5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a	Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;		a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;	Sửa theo Khoản 5 Điều 149 Luật DN2020 và Khoản 5 Điều 22 Điều lệ

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
b	Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;		c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	mẫu
c	Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;			
d	Các quyết định đã được thông qua;			
e	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.			
	Các Thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;			
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.			8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 4 Điều 148 và Khoản 8 Điều 149 Luật DN2020
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông			Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh khi cần thiết với các nội dung chính sau:			1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a	Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng Công ty;		a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;	
b	Thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung Đại hội;			
c	Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;			
d	Tóm tắt diễn biến Đại hội, các ý kiến tại Đại hội về từng vấn đề trong chương trình Đại hội;			

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
đ	Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự Đại hội; Phụ lục danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự Đại hội với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;	f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	
e	Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;		
f	Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.		
	Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.		
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin và lưu giữ theo quy định của pháp luật.		3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông		Điều 24. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng Công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.		Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Chưa có		Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải	Sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. 5. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến	116/2020/TT-BTC Sửa theo khoản 5 Điều 115 Luật DN2020 về việc đề cử ứng viên HĐQT;

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
			dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.	
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị			Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.			1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Ngoài ra, trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 154 Luật DN2020
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị, khi Tổng công ty là Công ty niêm yết tổng số <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị.</u>			2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị. Khi Tổng công ty là Công ty niêm yết phải có tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	Cập nhật theo điểm a Khoản 3 Điều 26 thông tư 116/2020/TT-BTC
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười) đến dưới 20% (hai mươi) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi) đến dưới 30% (ba mươi) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi) đến dưới 40% (bốn mươi) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi) đến dưới 50% (năm mươi) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi) đến dưới 60% (sáu mươi) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.			Chuyển lên khoản 5 Điều 25. Ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị	Sửa theo Điều lệ mẫu Ban hành kèm Tt 116/2020/TT-BTC
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:			5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	
a	Thành viên đó không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Hội đồng quản trị;		a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;	Sửa theo khoản 2 Điều 154 Luật DN2020 ; điều lệ mẫu
b	Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính Tổng Công ty;		b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
c	Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và Thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;		d. Vắng mặt không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.	
d	Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép Thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;			
e	Thành viên đó bị cách chức Thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.			
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.			Bỏ	Cập nhật theo Luật DN, thành viên HĐQT phải do cổ đông bầu
Điều 25. Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của Hội đồng quản trị			Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Cập nhật Điều 27 Điều lệ mẫu
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.			1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật Luật hiện hành
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:			2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	
a	Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;		a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, ngân sách hằng năm của Tổng công ty;	
b	Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;		b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
c	Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;	được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng giao dịch quy định tại điểm p và điểm r khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này. d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; f. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; g. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được đại hội đồng cổ đông uỷ quyền; h. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; k. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm p và điểm r, khoản 2 Điều 14 Điều lệ này; l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; m. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông; q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; s. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;	
d	Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty;		
e	Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;		
f	Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;		
g	Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;		
h	Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;		
i	Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của điều lệ Tổng Công ty.		
j	Quyết định việc sử dụng quỹ khen thưởng, cổ phiếu quỹ, để thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình sản xuất kinh doanh.		
k	Quyết định thành lập quỹ thưởng điều hành thuộc Hội đồng quản trị từ nguồn quỹ khen thưởng và nguồn khác để phục vụ cho việc quản lý bộ máy hoạt động của Tổng Công ty.		
l	Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty.		
m	Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.		

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
n	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Tổng Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);		t. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế về công bố thông tin của công ty; v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;	
s	Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;			
t	Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty.			
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:			Bỏ	Chuyển lên tại Khoản 2 Điều này
a	Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Tổng Công ty;			
b	Thành lập các Công ty con của Tổng Công ty;			
c	Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);			
d	Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng Công ty;			
e	Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;			
f	Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500 triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% (mười) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;			
g	Việc mua hoặc bán cổ phần của những Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;			

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
h	Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;			
i	Việc Tổng Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười) mỗi loại cổ phần;			
j	Các vấn đề kinh doanh như: Chi phí hoa hồng môi giới có giá trị > 10% (mười) tổng giá trị hợp đồng; Các hợp đồng xuất khẩu có giá trị từ 10 (mười) tỷ VNĐ trở lên;			
k	Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty.			
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.			4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ.	...
Các khoản: 7, 8, 9, 10			Bỏ, lần lượt chuyển sang khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
Chưa có			Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Tổng công ty có quyền trả thù lao thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại,	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;	Bổ sung theo K6Đ28 Điều lệ mẫu _ PLI ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các Thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành của Tổng Công ty. <u>Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u>	Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc điều hành của Tổng công ty.	Sửa đổi, bổ sung dựa trên khoản 1, 2 Điều 156 Luật DN2020
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:	
g. Thực hiện quy chế quản lý vốn tại Doanh nghiệp khác của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.	Bỏ	
3. Trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chọn cử một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Bổ sung theo khoản 4 Điều 156 Luật DN2020
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Cập nhật theo khoản 1 Điều 156 Luật DN2020 và khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu
Điều 27. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 30. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>5 (năm) ngày</u> trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.	2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <u>3 ngày</u> trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.	Sửa theo khoản 6 Điều 157 Luật DN2020
3. Các cuộc họp bất thường.	3. Các cuộc họp bất thường	bổ sung, sửa theo

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
... c. Ban Kiểm soát	... c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <u>15 (mười lăm) ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <u>7 ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Cập nhật theo khoản 5 Điều 157 Luật DN2020
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các Thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>5 (năm) ngày</u> trước khi tổ chức họp, các Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những Thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản Tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Sửa đổi, cập nhật theo Khoản 6 Điều 157 Luật DN2020
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số Thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số Thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong <u>thời hạn 15 (mười lăm) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số Thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số Thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Cập nhật theo khoản 8 Điều 157 Luật DN2020

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi				
13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những Thành viên Hội đồng quản trị sau đây: <table><tr><td>a</td><td>Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</td></tr><tr><td>b</td><td>Số lượng Thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</td></tr></table>		a	Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;	b	Số lượng Thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.	13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	
a	Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;						
b	Số lượng Thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.						
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều Thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều Thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là Thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số Thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là Thành viên Hội đồng quản trị.		Chuyển xuống Điều 31	Tách theo Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC				
16. Giá trị pháp lý của hành động		Chuyển xuống Điều 31	Tách theo Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC				
Chưa có		15. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Uỷ quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	Khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 157 Luật DN				

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	theo Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC Sửa theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu
Điều 31. Thư ký Tổng công ty, Người phụ trách quản trị Tổng công ty	Điều 32. Thư ký Tổng công ty, Người phụ trách quản trị Tổng công ty	Chuyển từ chương VIII lên Chương VII, sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
1. Thư ký Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ, điều khoản theo Điều 152.5 Luật Doanh nghiệp 2014 và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Chức danh Thư ký Tổng công ty được kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: (chưa có)	1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký tổng công ty. Thư ký tổng công ty có quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty. Thư ký tổng công ty được kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: ... Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.	Cập nhật theo luật hiện hành Cập nhật theo Điều 31 thông tư 116/2020/TT-BTC
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Thống nhất chức danh “Tổng giám đốc”, sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý Tổng công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có 01 (một) Tổng giám đốc điều hành, không quá 05 (năm) Phó Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý Tổng công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, không quá 05 (năm) Phó Tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Thống nhất chức danh “Tổng giám đốc”,
Điều 29. Người điều hành doanh nghiệp (Tổng công ty) 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người điều hành doanh nghiệp (Tổng Công ty) phải có trách nhiệm miễn cán</u> để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Điều 34. Người điều hành Tổng công ty 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Cập nhật theo Điều 34 Điều lệ mẫu
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành 2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là <u>5 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác</u> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Tổng Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty; c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và Công ty mẹ.	Cập nhật theo Điều 162 Luật DN2020
Điều 31. Thư ký Tổng công ty, Người phụ trách quản trị Tổng công ty	Chuyển lên Điều 32 chương VII. Hội đồng quản trị	Sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chính của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
Điều 32 Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng đốc điều hành và người điều hành khác....		Bỏ	Điều lệ mẫu không có điều này
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
3. Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.		Bỏ	Cập nhật theo khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là Thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì Thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:		4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:	Khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu
a	Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc	a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp
b	Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
c	Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.		c. bỏ	Sửa theo Điều lệ mẫu
	Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc Công ty con của Tổng Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.			
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường			Sửa thành Điều 41 (Theo số thứ tự điều của Điều lệ mẫu)	
X. BAN KIỂM SOÁT			IX. BAN KIỂM SOÁT	
Chưa có			Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên) 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Sửa theo Điều lệ mẫu Ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát			Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	
1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:			1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	
a	Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;		a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	a. Cập nhật Luật hiện hành
b	Không phải là người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;		b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ và tại Tổng công ty;	b. Sửa theo điểm c khoản 1 Điều 169 Luật DN2020
c	Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty.		c. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;	f. Sửa theo điểm b khoản 1 Điều 169 Luật DN2020;

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
d	Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát có 03 (ba) Thành viên; Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Khi Tổng Công ty niêm yết cổ phiếu, các Thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.		d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; e. Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó; f. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. g. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. h. Ban Kiểm soát Tổng công ty phải có hơn một nửa số kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam;	g. Cập nhật theo khoản 1 Điều 37 Điều lệ mẫu; h. Cập nhật theo Khoản 2 điều 168 Luật DN2020
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười) đến dưới <u>20% (hai mươi)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ <u>20% (hai mươi) đến dưới 30% (ba mươi)</u> được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi) đến dưới 40% (bốn mươi) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi) đến dưới 50% (năm mươi) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi) đến dưới 60% (sáu mươi) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.			2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.	
3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát			Bỏ (chuyển về Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát)	
Chưa có			Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b) yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo Điều lệ mẫu Ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC 1. Bổ sung theo khoản 2 Điều 168 Luật DN2020
Điều 36. Ban kiểm soát			Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
1. Tổng Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:			1. Tổng Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Cập nhật theo Luật hiện hành

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành		Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
a	Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;	a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Giám sát và đánh giá chất lượng kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Tổng công ty. c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Tổng Công ty; g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý. i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.	Cập nhật Luật hiện hành. i. Bổ sung theo Khoản 6 Điều 170 Luật DN2020
b	Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;		
c	Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết;		
d	Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;		
e	Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;		
f	Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Tổng Công ty;		
g	Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và		
h	Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.		
5. Chưa có		5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 168 Luật DN2020

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
			nhận nhiệm vụ.	
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY			XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ			Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.			1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	Cập nhật theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 49 Thông tư 116/2020/TT-BTC
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY			XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	
Điều 46. Kiểm toán			Điều 46. Kiểm toán	
1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.			1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo.	Cập nhật luật hiện hành và Thông tư 116/2020/TT-BTC
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tổng công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.			3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.	
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng công ty.				
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ			XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 48. Chấm dứt hoạt động			Điều 53. Chấm dứt hoạt động	
1. Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:			1. Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	
a	Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;		a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	Cập nhật theo Điều 207 Luật DN2020
b	Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của pháp luật		b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	

Quy định tại Điều lệ Tổng công ty hiện hành			Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
	hiện hành;		c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Tổng công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này và pháp luật trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	
c	Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.			
d	Các trường hợp khác do pháp luật quy định.			
Điều 51. Thanh lý			Điều 56. Thanh lý	
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các Cơ quan hành chính.			2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Tổng công ty. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 208 Luật DN2020
XXI. NGÀY HIỆU LỰC			XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngày 20 tháng 4 năm 2020 và được Hội đồng quản trị sửa đổi theo Nghị quyết số 262/NQ-HĐQT ngày 08/10/2020 nhằm phản ánh quy mô vốn điều lệ mới phù hợp với ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 78/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20/4/2020.			1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngày tháng năm 2021 tại trụ sở Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.	Cập nhật ngày Điều lệ mới có hiệu lực
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b) 05 bản đăng ký tại Cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. c) 04 bản lưu trữ lại Văn phòng Tổng công ty.			2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	Sửa theo Điều lệ mẫu.

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2021)**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày tháng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau:

- a. Cổ đông;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- d. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- e. Người điều hành doanh nghiệp khác của Tổng công ty;

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

Trong quy chế này, những thuật ngữ và các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Ban Tổng giám đốc" bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
- d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- e. "Người quản lý Tổng công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- h. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- i. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Tổng công ty được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l. "Điều lệ Tổng công ty" là Điều lệ của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;

m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

n. Các từ viết tắt:

- Tổng công ty: Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.
- EEMC : Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- TGD : Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Tổng công ty;

b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

- Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **10** ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- Dự thảo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

- Các công việc khác phục vụ đại hội.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị và gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, thực hiện các thủ tục thông báo về

việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

2. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Tổng công ty phải thực hiện việc đăng ký đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết thì người triệu tập họp huỷ cuộc họp theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

c. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó đến biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Việc thực hiện biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Khoản 2, 3, 5 Điều 8 Quy chế này và theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

d. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

e. Thư ký chuẩn bị dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông theo kết quả biểu quyết tại cuộc họp và cung cấp dự thảo đó cho Chủ tọa để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ ra quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội. Quyết định này được lập thành văn bản và được thông báo đến cổ đông và các cơ quan liên quan khác (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam,...) theo quy định của pháp luật.

Thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu **20** ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tiến hành họp ĐHĐCĐ, Tổng công ty tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện cho đến

khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông cần mang theo như sau:

a. Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông;

b. Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự họp) và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được uỷ quyền;

2. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu khác, trong đó:

a. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết có ghi thông tin của cổ đông, mã số dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông cùng các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Tổng công ty;

b. Phiếu bầu cử có ghi thông tin của cổ đông, mã số dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc địa diện được uỷ quyền của cổ đông, tổng số lượng phiếu bầu, danh mục các ứng viên trong danh sách được bầu cử và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Tổng công ty.

Điều 6. Bầu, biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả các cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung đưa ra trước Đại hội:

a. Tán thành với nội dung vừa được trình;

b. Không tán thành với nội dung vừa được trình;

c. Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức biểu quyết:

- Biểu quyết được thực hiện dưới hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc thu Phiếu biểu quyết.

- Với mỗi nội dung biểu quyết, cổ đông/người đại diện biểu quyết một (01) lần duy nhất (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

4. Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên:

- Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên: Bỏ phiếu bầu cử.

- Mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần đại diện nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc

Ban kiểm soát. Cổ đông/người đại diện ghi cụ thể số phiếu bầu và phần ghi Số phiếu bầu tương ứng với ứng cử viên mình bầu và nộp về Ban kiểm phiếu.

5. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a. Về hình thức: Thẻ, Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức đại hội phát ra, có dấu treo của Tổng công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.

b. Về nội dung:

- Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu.

- Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông trong phiếu bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được uỷ quyền.

- Phiếu nộp trước khi hết giờ bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.

6. Thẻ thức tiến hành biểu quyết và bầu cử phải tuân thủ theo các quy định khác được ghi trong Điều lệ Tổng công ty; Trong Quy chế bầu cử, Quy chế biểu quyết được thông qua tại Đại hội.

7. Kiểm soát, ghi nhận và thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

- Khi bắt đầu cuộc họp, Chủ tọa cuộc họp trình Đại hội thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông của Tổng công ty.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm soát và ghi nhận kết quả biểu quyết các nội dung của Đại hội; kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

- Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập ra và có đầy đủ tất cả các thông tin sau:

- + Thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
- + Các thành viên trong Ban kiểm phiếu;
- + Tất cả các nội dung biểu quyết/bầu cử theo quy định của pháp luật;
- + Thời gian kết thúc kiểm phiếu;
- + Chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 7. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng

công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 8. Thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua được quy định theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

3. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi lại toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản cuộc họp theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng công ty và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ký tên vào biên bản và liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng công ty. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

4. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin Nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản uỷ quyền tham dự họp và các tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin Nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Định hướng phát triển;
- b. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- c. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

d. Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện như quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty và Điều 3 Quy chế này.

Người triệu tập đại hội cổ đông ngoài những việc phải thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Quy chế này trong, phải gửi kèm theo thông tin đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và Thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty và Điều 3, Điều 4 Quy chế này.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp truy cập vào Hệ thống đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Tổng công ty theo thông báo để thực hiện đăng ký tham dự họp. Điều kiện để xác định cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và hướng dẫn cụ thể tuân theo quy định tại Quy chế tổ chức của mỗi đại hội và được nêu rõ trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty và khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Các thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại Khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Nếu có phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử bổ sung với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

d. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, và hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

e. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

f. Việc biểu quyết/bầu cử đối với hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện như với hình thức trực tiếp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 điều 6 Quy chế này.

7. Hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 Điều lệ Tổng công ty và Điều 8 Quy chế này.

8. Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Tổng công ty và Điều 9 Quy chế này.

9. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 công ty khác.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Khi Tổng công ty là Công ty niêm yết phải có tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 14. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách ứng viên trước khi bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Theo đó mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị quy định.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp được quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Trong thời hạn **60** ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu theo Điều 15 Quy chế này.

b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu theo Điều 15 Quy chế này.

b. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, hết nhiệm kỳ tại cuộc họp gần nhất.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm chức danh Tổng giám đốc.

Điều 17. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Tổng công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên các phương tiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Triệu tập, thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được uỷ quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị trên điện thoại hoặc Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bằng văn bản được thực hiện theo Khoản 12, 13 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%) tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là lá phiếu quyết định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết, xem như thành viên Hội đồng quản trị đó không có phiếu biểu quyết về vấn đề đó.

Điều 21. Thông qua Biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị; Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Khoản 14 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty và khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được chuyển cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt). Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

3. Trường hợp chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung biên bản theo quy định thì biên bản này có hiệu lực

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và ban hành các các Nghị quyết trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất trong Hội đồng quản trị.

4. Nghị quyết Hội đồng quản trị về các nội dung điều hành nội bộ được phân phối cho các thành viên Hội đồng quản trị và các bộ phận liên quan trong nội bộ Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho các cơ quan hữu quan, trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và các phương tiện khác theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp và pháp luật Chứng khoán, thị trường Chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên) là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

c. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị doanh nghiệp hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới

30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách ứng viên trước khi bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Theo đó mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Nguyên tắc trúng cử thành viên Ban kiểm soát: Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Ban kiểm soát quy định.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát

a. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Nguyên tắc bầu theo Điều 24 Quy chế này.

b. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới thay thế thành viên Ban kiểm soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, hết nhiệm kỳ tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Tổng công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trên các phương tiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 27. Tiêu chuẩn của Người điều hành Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 Tổng giám đốc, không quá 05 Phó tổng giám đốc, 01 kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu trong quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định.

3. Tổng công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty trong nội bộ Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 29. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Tổng công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành khác.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, một số người điều hành Tổng công ty khác. Trưởng ban kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí kiểm soát viên tham dự. Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành Tổng công ty khác có thể tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty khác tham dự.

3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Tổng công ty khác tham dự.

4. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, biên bản và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật liên quan.

Điều 31. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/biên bản họp của Hội đồng quản trị có liên quan cần thiết được cung cấp cho ban kiểm soát.

Điều 32. Các vấn đề báo cáo cung cấp thông tin của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu. Các vấn đề nổi cộm, hoặc gặp khó khăn, Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kịp thời.

3. Hội đồng quản trị kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc ngay trong các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty, theo kế hoạch hành động chung của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Tổng giám đốc chủ động điều hành Tổng công ty theo phân cấp, đảm bảo Tổng công ty hoạt động liên tục, hiệu quả.

4. Ban kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát, nếu phát hiện ra các vấn đề không có lợi hoặc trái với quy định thì phải báo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để xem xét.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Tổng công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty khác phải có các trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Điều lệ Tổng công ty

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan, với cổ đông, với người quản lý Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Các giao dịch với người có liên quan, với cổ đông, với người quản lý Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ theo đúng Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 36. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị xây dựng bản phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức được nêu tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác được thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá của các cán bộ quản lý này.

Điều 37. Khen thưởng và kỷ luật

Nguyên tắc, trình tự khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của Tổng công ty ty do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG XI THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 38. Thẩm quyền ban hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến Quy chế này chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Tổng công ty.

Điều 39. Hiệu lực thi hành.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần bao gồm XI Chương 39 Điều được Hội đồng quản trị trình tại Đại hội đồng cổ đông thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này ngày tháng năm 2021. Bản Quy chế này có hiệu lực thi hành tại ngày ký ban hành.

Quy chế này thay thế cho các Quy chế nội bộ về quản trị trước đây./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tiểu

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2021)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày tháng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty);

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Khi Tổng công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Khi Tổng công ty là công ty niêm yết phải có tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty về lĩnh vực mình được phân công.

Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định của Tổng công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình với cổ đông lớn của Tổng công ty; người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

e. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

g. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc điều hành.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

g. Thực hiện quy chế quản lý vốn tại Doanh nghiệp khác của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chế, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính

tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định; Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hết nhiệm kỳ tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách ứng viên trước khi bầu theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị khoản 4 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty, Điều 16 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

đ. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

2. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm p và điểm r, khoản 2 Điều 15 của Điều lệ công ty.

3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

4. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Tổng công ty;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30** ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60** ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội về quản trị công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị theo quy định tại 31 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ Tổng công ty, Điều 18 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ Tổng công ty và Điều 21 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, được quy định như sau:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b. Báo cáo tài chính kiểm toán;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và phải đảm bảo có các nội dung theo quy định.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổng công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu

liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc điều hành và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Chương VII Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát được quy định tại Chương VII Quy chế về nội bộ công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này gồm 7 chương 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Bản Quy chế này được lưu tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tiểu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2021



SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh

1. Họ và tên (viết in hoa) : NGUYỄN THỊ HIẾU Giới tính : Nữ
2. Ngày, tháng năm sinh : 27/10/1976
3. Nơi sinh : Đông Anh, Hà Nội
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu : 001176017380 Ngày cấp: 09/01/2018
Nơi cấp: : Cục Cảnh sát ĐK QLCT& dữ liệu quốc gia về dân cư
5. Địa chỉ thường trú : Tổ 2, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội.
6. Chỗ ở hiện tại : Tổ 2, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội.
7. Số điện thoại :
8. Địa chỉ email : hieunt@eemc.com.vn
9. Trình độ văn hóa : 12/12
10. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
11. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
12. Tên tổ chức (nếu được cử là người đại diện phần vốn của tổ chức): không
13. Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh: Trưởng ban kiểm soát
14. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian (tháng/năm)	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ
9/1982 - 5/1994	Học sinh phổ thông		
9/1994 - 7/1998	Đại học kinh tế quốc dân	Kinh tế	Chính quy

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú

16. Số cổ phần nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ của Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 0 CP

17. Các cam kết nắm giữ (nếu có): không

18. Danh sách người có liên quan của người khai (*):

(*) Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019

STT	Mã CK	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán nếu có	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với người khai	Loại hình giấy NSH (CMND/ Giấy ĐKKD)	Ngày cấp	Số Giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)	(11)	(12)
1		Nguyễn Đức Tâm			Bố đẻ	CCCD	23/7/2015	001044000774	Cục CS ĐK QLCT & dữ liệu quốc gia về dân cư	Tổ 15, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
2		Hoàng Thị Lựu			Mẹ đẻ	CMND	25/10/2008	010492864	Công an Hà Nội	Tổ 15, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
3		Nguyễn Hà Nam			Chồng	CMND	16/10/2010	011684981	Công an Hà Nội	Tổ 02, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
4		Nguyễn Hà Sơn			Con	CCCD	20/05/2016	001201017342	Cục CS ĐK QLCT & dữ liệu quốc gia về dân cư	Tổ 02, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
5		Nguyễn Quốc Anh			Con	CCCD	25/12/2018	001204007338	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Tổ 02, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
6		Nguyễn Thị Nhân			Chị ruột	CMND	13/12/2010	011684429	Công an TP Hà Nội	Tổ 15, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		
7		Nguyễn Trọng Nghĩa			Em ruột	CMND	21/06/2006	012004488	Công an TP Hà Nội	Tổ 15, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		

STT	Mã CK	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán nếu có	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với người khai	Loại hình giấy NSH (CMND/ Giấy ĐKKD)	Ngày cấp	Số Giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)	(11)	(12)
8		Nguyễn Hữu Võ			Bố chồng	CCCD	06/03/2017	049032000031	Cục CS ĐK QLCT& dữ liệu quốc gia về dân cư	Tổ 2, Thị trấn Đông Anh, HN		
9		Hà Thị Vân			Mẹ chồng	CCCD	05/01/2017	001145002544	Cục CS ĐK QLCT& dữ liệu quốc gia về dân cư	Tổ 2, Thị trấn Đông Anh, HN		
10		Đỗ Ngọc Tuyên			Anh rể	CMT	01/11/2006	010533506	Công an TP Hà Nội	Lực Canh, Xuân Canh, Đông Anh, HN		
11		Nguyễn Thị Thanh Xuyên			Em dâu	CMT	23/07/2015	001183009019	Cục CS ĐK QLCT& dữ liệu quốc gia về dân cư	Tổ 15, thị trấn Đông Anh, Hà Nội		

19. Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh (nếu có): không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh (nếu có): không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- oOo -----

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2021

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần

Tên tôi là: NGUYỄN THỊ HIẾU

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu : 001176017380 Ngày cấp: 09/01/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐK QLCT& dữ liệu quốc gia về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội

Nơi làm việc hiện nay: 189 đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội

Số điện thoại:

Tôi xin cam kết các thông tin tôi đã khai tại Sơ yếu lý lịch Ứng cử thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh là trung thực và chính xác.

Tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật .

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM KẾT

Nguyễn Thị Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Số: 001176017380

Họ và tên:

NGUYỄN THỊ HIẾU

Ngày, tháng, năm sinh: 27/10/1976

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội

Nơi thường trú: Tổ 2, Thị trấn Đông Anh

Đông Anh, Hà Nội



Có giá trị đến: 27/10/2036



Đặc điểm nhân dạng: Nốt ruồi cách 3cm trên sau

mép trái

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
ĐKQL CƯ TRÚ VÀ DLQG VỀ DÂN CƯ



Trần Quốc Sáng

Trần Quốc Sáng



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





Số hiệu bằng

B **73727**

Số vào sổ

...**27.36**...

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

Đại học Kinh tế quốc dân
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành *Kinh tế Đầu tư*

hạng *Thạc sĩ* năm tốt nghiệp **1998**

và công nhận danh hiệu

Thủ nhân kinh tế

cho *Nguyễn Thị Huyền*

sinh ngày **27.10.1976** tại *Hà Nội*

Hà Nội ngày **20** tháng **8** năm **1998**

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (viết in hoa) : ĐINH HÀ LINH Giới tính : Nữ
2. Ngày, tháng năm sinh : 22/7/1992
3. Nơi sinh : Bệnh viện Bạch Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu : B9445532 Ngày cấp: 22/7/2014
Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh
5. Địa chỉ thường trú : Số 14, hẻm 1/34/17, phố Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại : Số 242 đường 3.1, KĐT Gamuda Gardens, P. Trần Phú, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
7. Số điện thoại : 0762042080
8. Địa chỉ email : linhhdh@evn.com.vn
9. Trình độ văn hóa : 12/12
10. Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Kế toán
11. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
12. Tên tổ chức (nếu được cử là người đại diện phần vốn của tổ chức):
Địa chỉ:
13. Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh: Không
14. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian (tháng/năm)	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ
09/2010 - 05/2014	Đại học Thương Mại	Kế toán	Cử nhân

15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác :

Thời gian	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Ghi chú
06/2014 - 06/2020	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	
07/2020 - nay	Chuyên viên Ban Quản lý đầu tư vốn, Tập đoàn Điện lực Việt Nam	

16. Số cổ phần nắm giữ: **0 CP**, chiếm 0% vốn điều lệ của Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: **0 CP**

17. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

18. Danh sách người có liên quan của người khai (*):

S TT	Mã C K	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán nếu có	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với người khai	Loại hình giấy NSH (CMND / Giấy ĐKKD)	Ngày cấp	Số Giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)	(11)	(12)	(16)
1		Đinh Viết Phượng	Không		Cha ruột	CCCD	05/02/ 2020	040060 000749	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14, hẻm 1/34/17, Phan Đình Giót, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội			
2		Nguyễn Thị Hoa	Không		Mẹ ruột	CCDC	07/02/ 2018	001163 013765	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 14, hẻm 1/34/17, Phan Đình Giót, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội			
3		Đinh Mai Phượng	Không		Em ruột	CMT	05/04/ 2014	013691 908	Công an TP. Hà Nội	Số 14, hẻm 1/34/17, Phan Đình Giót, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội			

19. Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh (nếu có): Không
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh (nếu có): Không
- Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đinh Hải Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- oOo -----

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần

Tên tôi là : Đinh Hà Linh

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: B9445532

Ngày cấp: 22/7/2014

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Số 14, hẻm 1/34/17, Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh
Xuân, Hà Nội

Nơi làm việc hiện nay: Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Số 11 Cửa Bắc, Trúc
Bạch, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại: 0762042080

Tôi xin cam kết các thông tin tôi đã khai tại Sơ yếu lý lịch Ứng cử thành viên
Ban kiểm soát Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh là trung thực và chính xác.

Tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi
ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật .

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM KẾT



Đinh Hà Linh

679445333

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



HỘ CHIẾU
PASSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



HỘ CHIẾU
PASSPORT

Số
N^o B 9 4 4 5 5 3 2

Hộ chiếu này là tài sản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chỉ cấp cho công dân Việt Nam.

This passport remains the property of the Socialist Republic of Vietnam and is issued to a Vietnamese citizen only.

Hộ chiếu này có giá trị đi đến tất cả các nước, trừ khi có quy định khác.

This passport is valid for all countries unless otherwise endorsed.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền liên quan cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ cần thiết.

The Government of the Socialist Republic of Vietnam requests all competent authorities concerned to allow the bearer of this passport to pass freely and to afford him/her such assistance and protection as may be necessary.

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department

T/L CỤC TRƯỞNG

For the Director

P. Trưởng Phòng

Deputy Chief of Division



Nguyễn Quốc Tuấn

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

Signature of bearer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

HỘ CHIẾU / PASSPORT

Loại / Type

Mã số / Code

Số hộ chiếu / *Passport N^o*

P

VNM

B9445532

Họ và tên / *Full name*

ĐÌNH HÀ LINH

Quốc tịch / Nationality

Ngày sinh / *Date of birth*

22 / 07 / 1992

Giới tính / Sex

NŨ' / F

Ngày cấp / Date of issue

22 / 07 / 2014

Nơi cấp / *Place of issue*

VIỆT NAM / VIETNAMESE

Nơi sinh / *Place of birth*

HÀ NỘI

Số GCMIND / ID card N°

012863552

Có giá trị đến / *Date of expiry*

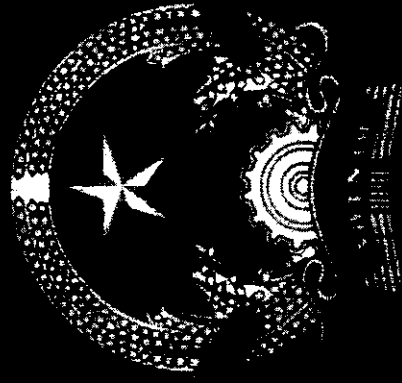
22 / 07 / 2024

Cục Quản lý xuất nhập cảnh

[illegible]

B9445532<3VNM9207226F2407223012863552<<<<46

CONG HOA XA HOC HI NGHIA AN NAM



BANG TOT NGHIEP DAI HOC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

VIETNAM UNIVERSITY OF COMMERCE

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

has conferred

cấp

THE DEGREE OF BACHELOR

BẰNG CỬ NHÂN

ACCOUNTING

KẾ TOÁN

Upon: **Ms Dinh Ha Linh**

Cho: **Bà Dinh Ha Linh**

Date of birth: 22 July 1992

Ngày sinh: 22/07/1992

Year of graduation: 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG MÃM tốt nghiệp: 2014

Degree classification: Very good

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Xếp loại tốt nghiệp: Tốt

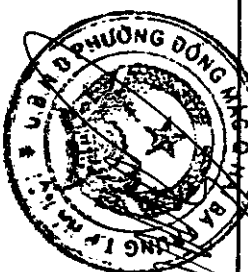
Mode of study: Full-time

Ngày 03-02-2020
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội ngày 22 tháng 05 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Đình Trọng

Số vào sổ cấp bằng: 1000-K46D6

GS. TS. Đinh Văn Sơn

Reg. No: 1000-K46D6



Dinh Ha Linh

Name

012863552

**Identification
Number**

2020/01/22

Test Date
(yyyymmdd)

1992/07/22

Date of Birth
(yyyy/mm/dd)

2022/01/22

Valid Until
(yyyy/mm/dd)

Your score

(440)

5 [REDACTED] 495

Your score

(485

5 [REDACTED] 495

925

Copyright © 2018 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logo, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service.

Detach Here

Your scaled score is between 400 and 495. Test takers who score around 400 typically have the following strengths:

- They can infer the central idea, purpose, and basic context of short spoken exchanges across a broad range of vocabulary, even when conversational responses are indirect or not easy to predict.
- They can infer the central idea, purpose, and basic context of extended spoken texts across a broad range of vocabulary. They can do this even when the information is not supported by repetition or paraphrase and when it is necessary to connect information across the text.
- They can understand details in short spoken exchanges, even when negative constructions are present, when the language is syntactically complex, or when difficult vocabulary is used.
- They can understand details in extended spoken texts, even when it is necessary to connect information across the text and when this information is not supported by repetition. They can understand details when the information is paraphrased or when negative constructions are present.

To see weaknesses typical of test takers who score around 400, see the *Proficiency Description Table.

Your scaled score is close to 450. Test takers who score around 450 typically have the following strengths:

- They can infer the central idea and purpose of a written text, and they can make inferences about details.
- They can read for meaning. They can understand factual information, even when it is paraphrased.
- They can connect information across an entire text, and they can make connections between two related texts.
- They can understand a broad range of vocabulary, unusual meanings of common words, and idiomatic usage. They can also make distinctions between the meanings of closely related words.
- They can understand rule-based grammatical structures. They can also understand difficult, complex, and uncommon grammatical constructions.

To see weaknesses typical of test takers who score around 450, see the "Proficiency Description Table."

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 10-02-2020

~~5009-01~~

Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in short spoken texts	0%  100%
Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in extended spoken texts	0%  100%
Can understand details in short spoken texts	0%  100%
Can understand details in extended spoken texts	0%  100%

Can make inferences based on information in written texts	0%  100%
Can locate and understand specific information in written texts	0%  100%
Can connect information across multiple sentences in a single written text and across texts	0%  97 100%
Can understand vocabulary in written texts	0%  91 100%
Can understand grammar in written texts	0%  95 100%

* Proficiency Description Table can be found on our web site, www.ets.org/itologic

HOW TO READ YOUR SCORE REPORT:

Percent Correct of Abilities Measured:

Percentage of items you answered correctly on this test form for each one of the Abilities Measured. Your performance on questions testing these abilities cannot be compared to the performance of Test takers who take other forms or to your own performance on other test forms.

Note: TOEIC scores more than two years old cannot be reported or validated.

CHUNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHI

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

THU HẠU

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

ĐẦU THẦU

Chương trình cơ bản



Chứng nhận Ông(Bà): *Đinh Hà Linh*

Sinh ngày: 22/07/1992 Nơi sinh: Hà Nội

Số CMND/Số hộ chiếu: 012863552

Đã hoàn thành

CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN

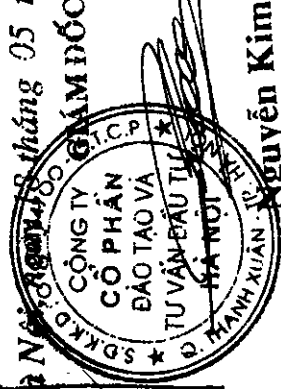
Tổ chức từ ngày 15/05/2015 đến ngày 17/05/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG *Đống Đa* Quận *Giới*

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐƯNG VỚI BAN CHỈ HUY *Đống Đa* Quận *Giới* ngày *18* tháng *05* năm *2015*

Số: 53 - 747 *Đống Đa* 03 - 02 - 2020

SỐ CHỨNG THỰC 0093 QUYỀN SỐ 01 SCT/BS



Nguyễn Kim Phong

